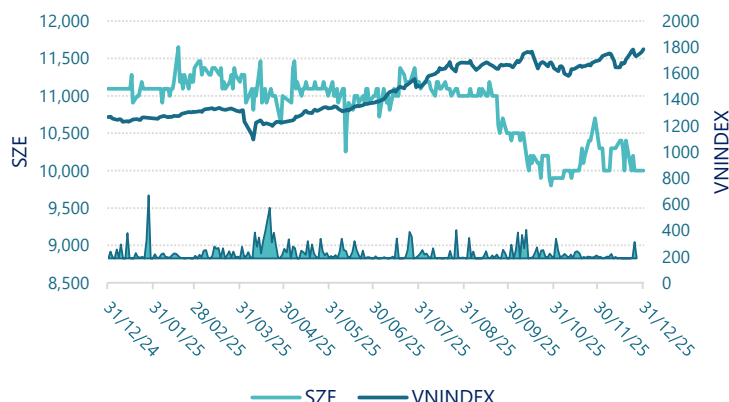


CTCP Môi trường Sonadezi (UPCOM: SZE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,653
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,195
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	300
P/E	20.8
EPS	480

DT thuần

Q4/25

83.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30 | 0.3%

YoY: ▼10.2 | -10.9%

LN sau thuế

Q4/25

4.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.12 | 327%

YoY: ▼6.05 | -58.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.4%

+/- YoY: ▼ 6.2%

DT thuần

2025

424

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.0 | 6.9%

LN sau thuế

2025

14.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.2 | -52.9%

ROE

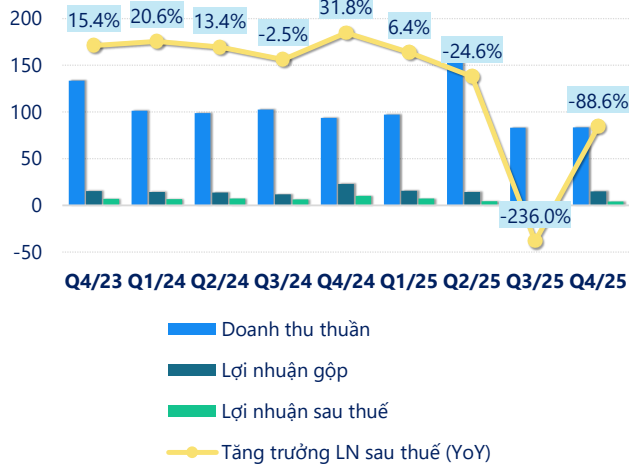
2025

4.1%

+/- YoY: ▼ 4.4%

tỷ VNĐ

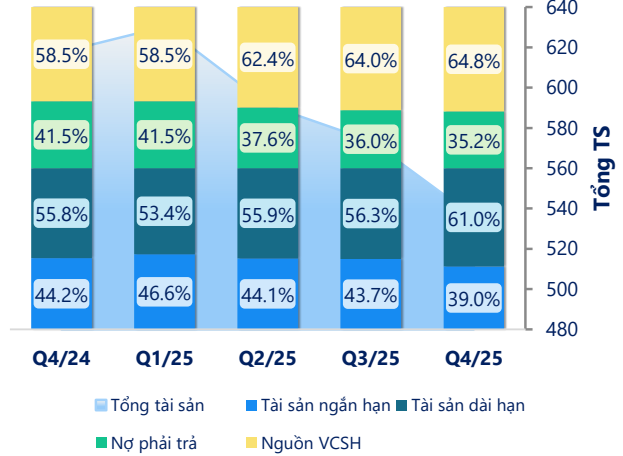
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

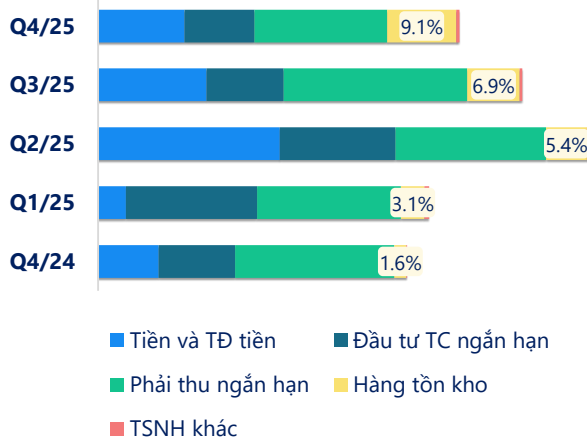
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



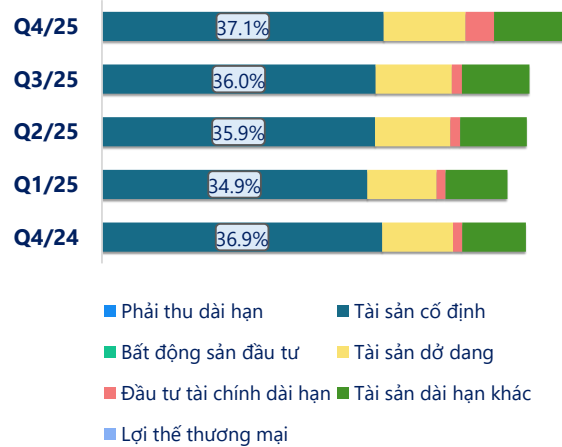
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

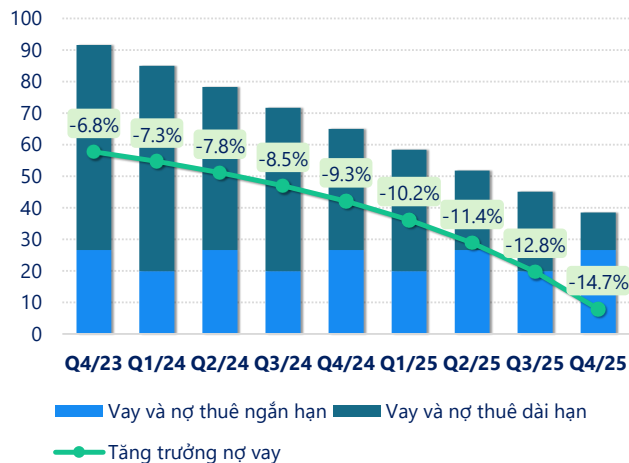
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

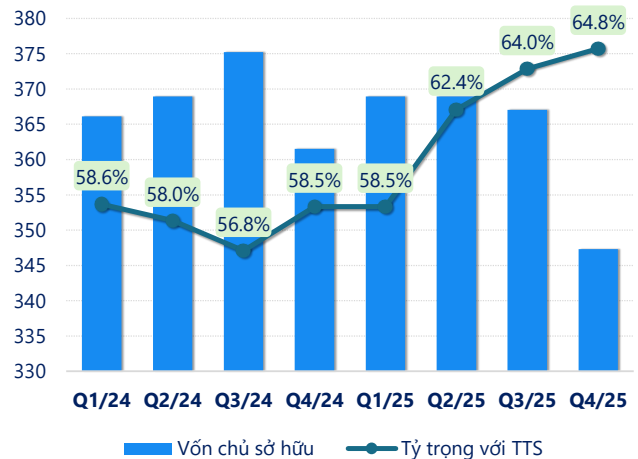
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

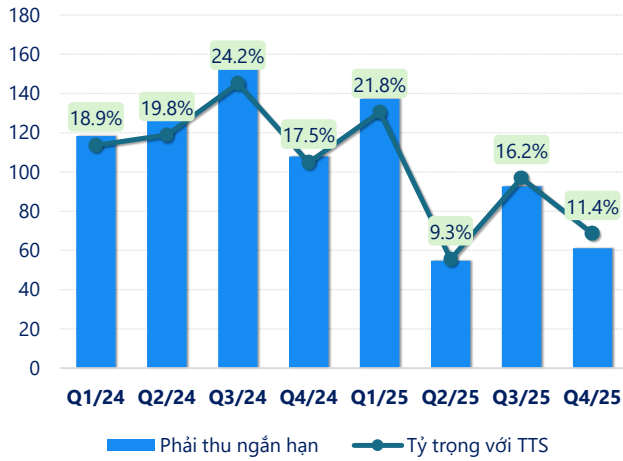
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



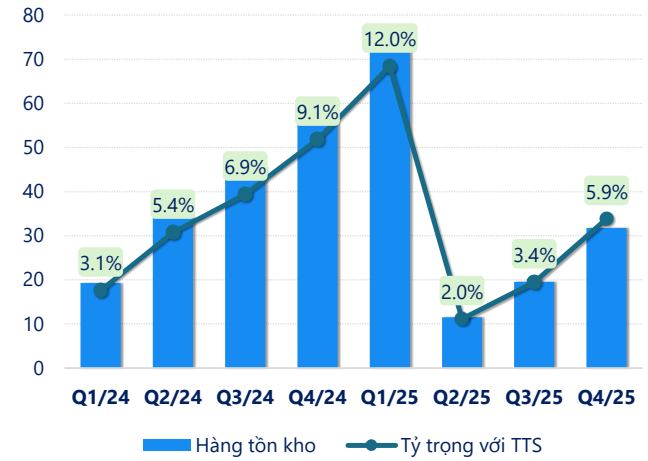
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


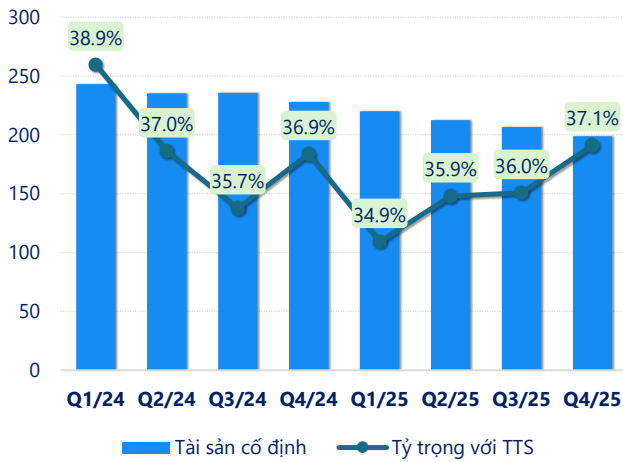
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


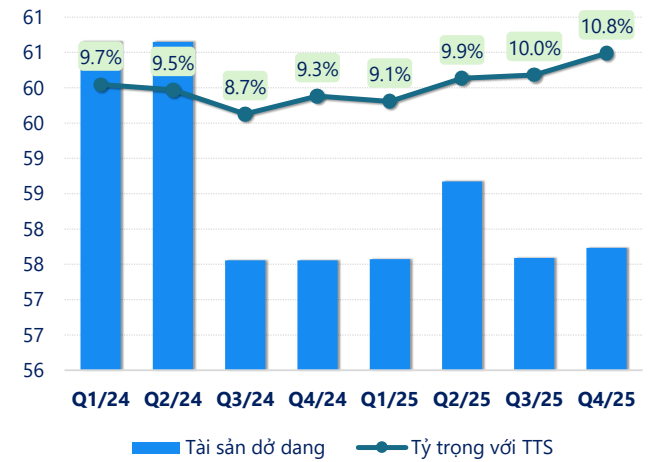
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

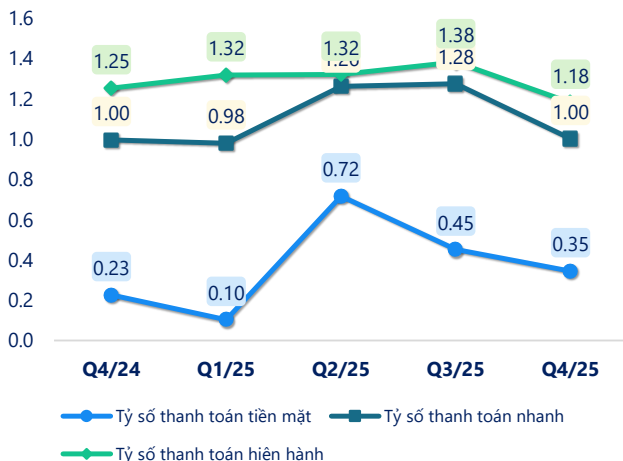
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

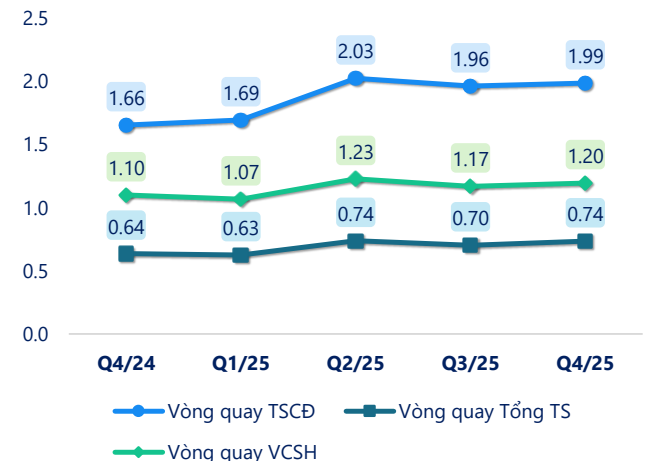
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	618	630	591	574	536
Tài sản ngắn hạn	273	294	261	251	209
Tiền và tương đương tiền	49.2	23.0	141	82.0	61.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.0	52.0	52.0	52.0	52.0
Phải thu ngắn hạn	108	137	54.7	92.7	61.2
Hàng tồn kho	56.0	75.4	11.5	19.6	31.7
Tài sản ngắn hạn khác	2.76	6.16	0.92	4.60	2.96
Tài sản dài hạn	345	336	331	323	327
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	228	220	213	207	199
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	57.6	57.6	58.7	57.6	57.7
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	7.50	7.50	20.0
Tài sản dài hạn khác	51.7	51.3	52.0	51.0	50.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	256	261	222	207	189
Nợ ngắn hạn	218	223	197	181	177
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.6	19.9	26.6	19.9	26.6
Phải trả người bán ngắn hạn	44.9	50.2	37.5	29.1	22.1
Nợ dài hạn	38.5	38.5	25.2	25.2	11.9
Vay và nợ thuê dài hạn	38.5	38.5	25.2	25.2	11.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	362	369	369	367	347
Vốn chủ sở hữu	362	369	369	367	347
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)